



Trung tâm Tin học và Thống
kê

Cục Chế biến và Phát triển thị
trường nông sản

Viện Chính sách và Chiến lược
Phát triển nông nghiệp nông
thôn

THÔNG TIN THAM KHẢO ĐỊNH KỲ VỀ THỊ TRƯỜNG NÔNG SẢN THÁNG 6/2019

Kim ngạch xuất khẩu nông lâm thủy sản tháng 6 năm 2019 ước đạt 3,63 tỷ USD, đưa tổng giá trị xuất khẩu 6 tháng đầu năm 2019 đạt 19,8 tỷ USD, tăng 2,2% cùng kỳ năm 2018. Trong đó, giá trị xuất khẩu các mặt hàng nông sản chính ước đạt 9,28 tỷ USD, giảm 9,2%; giá trị xuất khẩu thủy sản ước đạt gần 4 tỷ USD, tăng 0,3%; giá trị xuất khẩu chăn nuôi ước đạt 0,32 tỷ USD, tăng 4,6%; và giá trị xuất khẩu các mặt hàng lâm sản chính ước đạt 5,23 tỷ USD, tăng 20,3%.

1

Giá trị nhập khẩu nông, lâm, thủy sản tháng 6 năm 2019 ước đạt 2,61 tỷ USD, đưa tổng giá trị nhập khẩu 6 tháng đầu năm đạt 15,54 tỷ USD, tăng 1,5% so với cùng kỳ năm 2018. Trong đó, giá trị nhập khẩu các mặt hàng nông lâm thủy sản chính ước đạt 13,01 tỷ USD, tăng 1,2% so với cùng kỳ năm 2018; giá trị nhập khẩu chăn nuôi ước đạt 1,91 tỷ USD, tăng 23,5% so với cùng kỳ năm 2018.

Trong tháng 6/2019, thị trường nông sản diễn biến phức tạp. Giá lúa gạo tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) giảm do nhu cầu nhập khẩu hạn chế cùng với khả năng nguồn cung vụ hè thu chất lượng không cao. Giá cà phê giảm do thị trường cà phê tiếp tục chịu áp lực từ dư thừa nguồn cung toàn cầu. Giá bán buôn cá tra nguyên liệu tại ĐBSCL trong tháng qua tiếp tục xu hướng giảm do nhu cầu thu mua của các doanh nghiệp ở mức thấp, chủ yếu bắt cá ao nhà và hạn chế mua ngoài.

Tuy nhiên, thị trường tôm nguyên liệu trong tháng có xu hướng tăng giá với tôm sú nhờ sức tiêu thụ thị trường nội địa tăng mạnh. Tuy nhiên, giá tôm thẻ sục giảm do thời tiết mưa nắng thất thường làm môi trường ao nuôi thay đổi đột ngột, buộc nông dân phải thu hoạch đồng loạt để tránh rủi ro khiến cho nguồn cung tôm thẻ tăng vọt.

Giá lợn hơi trong nước trong tháng 6/2019 có xu hướng tăng trở lại do bệnh dịch tả lợn châu Phi ảnh hưởng đến nguồn cung. Tuy nhiên, giá mới tăng đạt 87-88% so với thời điểm trước dịch (tháng 1/2019).

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG MỘT SỐ NÔNG SẢN CHỦ LỰC

1. Lúa gạo

Trong tháng 6/2019, trên thị trường thế giới, giá gạo diễn biến tăng trong tháng qua, chủ yếu do đồng nội tệ tăng giá tại Ấn Độ và Thái Lan, mặc dù nhu cầu tiêu thụ ảm đạm ở hầu hết các đầu mối xuất khẩu gạo chính ở châu Á.

Trong khi đó, tại thị trường trong nước, giá lúa, gạo tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) giảm trong tháng qua. Theo hệ thống cung cấp giá tại địa phương, tại Vĩnh Long, lúa IR50404 vụ Hè Thu giảm 150 đ/kg xuống còn 4.050 đ/kg; gạo IR50404 ở mức 12.000 đ/kg; gạo jasmine ở mức 14.000 đ/kg. Tại An Giang, gạo IR50404 không đổi ở mức 10.000 – 11.000 đ/kg; gạo chất lượng cao ở mức 13.000 đ/kg; gạo thơm đặc sản jasmine ở mức 13.500 đ/kg. Tại Kiên Giang, lúa IR50404 giảm 600 đ/kg xuống còn 4.900 đ/kg; lúa OM 4218 giảm 200 đ/kg xuống còn 5.400 – 5.600 đ/kg; lúa OM 6976 ở mức 5.500 – 5.600 đ/kg; lúa Jasmine giảm 200 đ/kg xuống 5.900 – 6.000 đ/kg.

Tính trong 6 tháng đầu năm, giá lúa, gạo trong nước diễn biến tăng đối với lúa Đông Xuân và giảm đối với lúa Hè Thu. Cụ thể, lúa thường tại An Giang, Vĩnh Long tăng 300 – 500 đ/kg trong vụ Đông Xuân, và giảm 150 đ/kg với vụ Hè Thu đang thu hoạch. Dự báo giá lúa, gạo trong nước tiếp tục giảm do nhu cầu tiêu thụ yếu, chất lượng lúa hè thu kém nên không thu hút khách hàng.

Khối lượng gạo xuất khẩu tháng 6 năm 2019 ước đạt 625 nghìn tấn với giá trị đạt 275 triệu USD, đưa khối lượng xuất khẩu gạo 6 tháng đầu năm 2019 ước đạt 3,39 triệu tấn và 1,46 tỷ USD, giảm 2,8% về khối lượng và giảm 19% về giá trị so với cùng kỳ năm 2018. Tính trong 5 tháng đầu năm, Philippin đứng vị trí thứ nhất về thị trường xuất khẩu gạo của Việt Nam với 35,7% thị phần, với giá trị 423,3 triệu USD và khối lượng 1,06 triệu tấn, gấp 4 lần về khối lượng và gấp 3,4 lần về giá trị so với cùng kỳ năm 2018. Kế đến là Angola (gấp 4,3 lần); Hồng Kông (tăng 64,5%); Bờ Biển Ngà (tăng 61,2%), Ả rập xê út (tăng 53,9) và Nga (tăng 40,8%). Giá gạo xuất khẩu bình quân 5 tháng đầu năm 2019 đạt 429 USD/tấn, giảm 15% so với cùng kỳ năm 2018.

Về chủng loại xuất khẩu, trong 5 tháng đầu năm 2019, giá trị xuất khẩu gạo trắng chiếm 52,1% tổng kim ngạch; gạo Jasmine và gạo thơm chiếm 32,3%; gạo nếp chiếm 8,7% và gạo Japonica, gạo giống Nhật chiếm 6,3%. Các thị trường xuất khẩu gạo trắng lớn nhất của Việt Nam là Phillipines (53,8%), Malaysia (15,1%), Cuba (13%). Với gạo Jasmine và gạo thơm, thị trường xuất khẩu lớn nhất là Bờ Biển Ngà (19,2%) và Phillipines (16,5%). Về gạo nếp, thị trường xuất khẩu lớn là Trung Quốc (47,8%); Phillipines (22,4%). Với gạo Japonica và gạo giống Nhật, thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam là Singapore (35,5%) và Ai Cập (14%).

Nhìn chung, những tháng đầu năm 2019 gặp khó khăn về thị trường, đặc biệt là tại các thị trường lớn, truyền thống như Trung Quốc, Indonesia, Bangladesh. Nguyên nhân là tồn kho gạo từ vụ cũ ghi nhận ở mức cao tại Trung Quốc, năm bầu cử ở Indonesia. Trong khi đó, Bangladesh không những khôi phục sản xuất sau lũ lụt vào 2017, mà còn lên kế hoạch xuất khẩu gạo trong năm nay. Ngoài ra, các quốc gia như Myanmar, Campuchia, Pakistan đều nỗ lực gia tăng sản lượng gạo xuất khẩu. Trung Quốc không chỉ là nước nhập khẩu gạo lớn nhất mà còn đang dần trở thành một nước xuất khẩu lớn. Trong dự báo tháng 6 của Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA), sản lượng gạo năm 2018 - 2019 ước đạt 499,1 triệu tấn, tăng nhẹ so với mức 494,9 triệu tấn của năm 2017 - 2018. Do đó, dự báo giá gạo thế giới trong thời gian tới vẫn tiếp tục giảm so với cùng kì năm ngoái.

2. Rau quả

Đầu tháng 6 là thời điểm rộ thu hoạch mặt hàng xoài. Tại Đồng Tháp, giá xoài cát chu bán ra khá thấp, chỉ dao động quanh 7.000 đ/kg. Tuy nhiên, vào thời điểm gần cuối tháng, xoài cuối vụ giảm sản lượng nên giá đã nhích lên 20.000 - 40.000 đ/kg (tùy loại), nhưng mức này vẫn thấp hơn so với năm ngoái.

Trong tháng cũng là thời điểm mít Thái đang vào vụ thu hoạch rộ, giá bán mít Thái chỉ ở mức 15.000 đ/kg đối với loại I, 12.000 đ/kg đối với loại II, 8.000 đ/kg đối với loại III, bình quân giảm gần 35.000 đ/kg so với thời điểm cách đây 2 tháng. Nguyên nhân giá mít xuống thấp là do thương lái Trung Quốc không thu mua, trong khi đó, các nhà máy chế biến trái cây đã có kế hoạch sản xuất. Điều này khiến giá mít trở về đúng giá thực tế. Trái với giá mít lên xuống thất thường, giá sầu riêng năm nay ổn định ở mức cao. Khu vực Bù Đăng, Phước Long, Phú Riềng sầu riêng bán với giá 60.000-65.000 đ/kg tại vườn và đến tay người tiêu dùng có thể lên đến 80.000-90.000 đ/kg.

Hiện nay thanh long Bình Thuận đang ở cuối mùa chong đèn nghịch vụ, sản lượng bán chưa nhiều nên giá liên tục tăng từ đầu tháng 5 đến nay và đang giữ mức cao lâu nhất trong thời gian qua. Hiện tại thanh long loại 1 có giá ổn định từ 26.000 – 27.000 đ/kg. Vải thiều ở tỉnh Bắc Giang đang vào thời điểm giữa vụ. Tuy nhiên, hầu hết các hộ gia đình đều đạt sản lượng vải thấp hơn so với mọi năm do ảnh hưởng của thời tiết mưa nắng thất thường trong năm nay với sản lượng chỉ đạt khoảng 1/3 so với trung bình mọi năm.

Trong đầu tháng 6/2019, thị trường rau củ tại Lâm Đồng tăng mạnh do ảnh hưởng của thời tiết (mưa đá...), sản lượng giảm. Tuy nhiên, vào thời điểm gần cuối tháng, giá đã tăng trở lại. Cụ thể, giá ớt chuông dao động 30.000-32.000đ/kg; su su đã giảm còn 4.000đ/kg so với thời điểm đầu tháng. Tuy nhiên, một số loại rau củ như su

hào, củ dền, hành lá giá vẫn ở mức cao bởi sản lượng chưa hồi phục sau đợt ảnh hưởng của thời tiết.

Giá trị xuất khẩu rau quả tháng 6/2019 ước đạt 298 triệu USD, đưa giá trị xuất khẩu rau quả 6 tháng đầu năm 2019 ước đạt 2,06 tỷ USD, tăng 3,9% so với cùng kỳ năm 2018. Trong đó, mặt hàng rau có giá trị xuất khẩu ước đạt 272 triệu USD, tăng 1,1% và mặt hàng trái cây có giá trị là 1,6 tỷ USD tăng 11,9% so với cùng kỳ năm ngoái.

Tính trong 5 tháng đầu năm 2019, Trung Quốc đứng vị trí thứ nhất về thị trường nhập khẩu rau quả của Việt Nam với 73,11% thị phần. Xuất khẩu rau quả sang thị trường này trong 5 tháng đầu năm 2019 đạt 1,31 tỷ USD, tăng 1,05% về giá trị so với cùng kỳ năm 2018. Tiếp đến là Mỹ với 58,53 triệu USD, chiếm 3,25%, Hàn Quốc với 55,48 triệu USD, chiếm 3,08%, Nhật Bản với 49,98 triệu USD, chiếm 2,77%. Ngoài ra, các thị trường có giá trị xuất khẩu rau quả tăng mạnh là Iceland (gấp 10,3 lần), Panama (gấp 7,6 lần), Guam (gấp 5,1 lần), Lào (gấp 2,9 lần), Hồng Kông (tăng 52,09%), Hà Lan (tăng 37,21%).

Giá trị nhập khẩu mặt hàng rau quả tháng 6/2019 ước đạt 147 triệu USD, đưa tổng giá trị mặt hàng rau quả nhập khẩu 6 tháng đầu năm 2019 đạt 991 triệu USD, tăng 34,7% so với cùng kỳ năm 2018. Trong đó, mặt hàng rau ước đạt 254 triệu USD, tăng 35,2% và mặt hàng quả đạt 699 triệu USD, tăng 31,1% so với cùng kỳ năm 2018. Thị trường nhập khẩu rau quả lớn nhất trong 5 tháng đầu năm 2019 là thị trường Thái Lan (chiếm 42,66% thị phần), Trung Quốc (chiếm 20,31%), Mỹ (chiếm 11,01%), Úc (7,88%). Trong 5 tháng đầu năm 2019 giá trị nhập khẩu rau quả tăng nhiều nhất là thị trường Iceland (gấp 2,37 lần).

Hội đồng châu Âu (EC) đã thông qua quyết định ký Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA) và Hiệp định Bảo hộ đầu tư (IPA) giữa Liên minh châu Âu (EU) và Việt Nam. Cả hai hiệp định trên đã được ký vào ngày 30/6/2019 tại Hà Nội dưới sự chứng kiến của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc. Đây là cơ hội cho ngành rau quả mở rộng thị trường xuất khẩu, tham gia chuỗi giá trị và mạng lưới sản xuất toàn cầu nhưng đồng thời cũng phải đối mặt với áp lực cạnh tranh và hàng rào phi thuế quan của các thị trường nhập khẩu. Khi hàng rào thuế dần được cắt giảm thì mức độ cạnh tranh càng gia tăng mạnh, các quy định về truy xuất nguồn gốc của các nước nhập khẩu ngày càng chặt chẽ và cao hơn.

3. Sản

Giá xuất khẩu sản và sản phẩm sản bình quân tháng 6/2019 của Việt Nam đạt 386,3 USD/tấn, giảm 2,91% so với cùng kỳ năm 2018. Trong đó, giá xuất khẩu bình quân tinh bột sản giảm nhẹ, đạt 425 USD/tấn, giảm 1,7% so với tháng trước nhưng giảm 15,2% so với cùng kỳ năm 2018. Khối lượng xuất khẩu sản và các sản phẩm từ sản trong

tháng 6/2019 ước đạt 131 nghìn tấn với giá trị đạt 51 triệu USD, đưa khối lượng xuất khẩu sản và các sản phẩm từ sản 6 tháng đầu năm 2019 ước đạt 1,2 triệu tấn và 460 triệu USD, giảm 19% về khối lượng và giảm 15,3% về giá trị so với cùng kỳ năm 2018. Giá xuất khẩu sản và các sản phẩm từ sản tiếp tục giữ xu hướng giảm do nhu cầu của thị trường chính là Trung Quốc tiếp tục chững lại.

Trong thời gian tới, nhu cầu tiêu thụ thực phẩm của Trung Quốc cũng đang trong mùa thấp điểm nên xuất khẩu tinh bột sản dự đoán sẽ vẫn trầm lắng. Trái lại, nhu cầu tiêu thụ sản lát của Trung Quốc được dự đoán có thể tăng trở lại sau khi Trung Quốc tăng thuế nhập khẩu lên 25% với gói hàng hóa trị giá 60 tỷ USD của Mỹ khiến nguồn cung còn nhập khẩu giảm. Tuy nhiên, để giảm áp lực thuế quan đối với xuất khẩu hàng hóa sang Mỹ, Trung Quốc đang áp dụng chính sách giảm giá đồng nhân dân tệ, gây bất lợi cho các doanh nghiệp xuất khẩu sản và sản phẩm từ sản qua kênh biên mậu.

4. Cà phê

Xuất khẩu cà phê tháng 6/2019 ước đạt 165 nghìn tấn với giá trị đạt 274 triệu USD, lý kế xuất khẩu 6 tháng đầu năm 2019 ước đạt 943 nghìn tấn và 1,6 tỷ USD, giảm 9,2% về khối lượng và giảm 19,9% về giá trị so với cùng kỳ năm 2018. Đức và Mỹ tiếp tục là hai thị trường tiêu thụ cà phê lớn nhất của Việt Nam trong 5 tháng đầu năm 2019 với thị phần lần lượt là 13,2% và 9,8%. Trong 5 tháng đầu năm 2019, ngoại trừ thị trường Philippine có giá trị xuất khẩu cà phê tăng (tăng 26,6%), hầu hết các thị trường chính đều giảm so với cùng kỳ năm 2018. Giá cà phê xuất khẩu bình quân 5 tháng đầu năm 2019 đạt 1.710 USD/tấn, giảm 11,5% so với cùng kỳ năm 2018.

Trên thị trường thế giới, trong tháng 6/2019, giá cà phê thế giới biến động giảm. So với tháng trước, giá cà phê Robusta giao tháng 7/2019 thị trường London giảm 97 USD/tấn xuống còn 1.381 USD/tấn. Giá cà phê giảm do thị trường cà phê tiếp tục chịu áp lực từ dư thừa nguồn cung toàn cầu. Trong 6 tháng đầu năm 2019, giá cà phê Robusta kỳ hạn tháng 7/2019 tại thị trường London diễn biến giảm với mức giảm 476 USD/tấn do nguồn cung cà phê toàn cầu đang ở mức cao. Thị trường cà phê trong nước biến động giảm cùng xu hướng thị trường thế giới. So với tháng 5/2019, giá cà phê với nhân xô các tỉnh Tây Nguyên giảm 700 – 1.200 đ/kg xuống còn 32.000 – 33.200 đ/kg. Trong 6 tháng đầu năm 2019, giá cà phê trong nước giảm 500 – 800 đ/kg.

Dự báo, giá cà phê thế giới và trong nước trong ngắn hạn sẽ giảm do dự báo thị trường cà phê toàn cầu tiếp tục dư thừa nguồn cung. Theo tổ chức Cà phê Thế giới (ICO), xuất khẩu cà phê toàn cầu trong 6 tháng đầu niên vụ 2018-2019 đạt gần 3,8 triệu tấn, tăng 4,1% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, cà phê arabica chiếm 2,5 triệu tấn, tăng 7,1% và robusta đạt 1,3 triệu tấn, giảm 0,9%.

5. Chè

Khối lượng xuất khẩu chè tháng 6/2019 ước đạt 11 nghìn tấn với giá trị đạt 17 triệu USD, đưa khối lượng xuất khẩu chè 6 tháng đầu năm 2019 ước đạt 58 nghìn tấn và 98 triệu USD, tăng 2,4% về khối lượng và tăng 20,9% về giá trị so với cùng kỳ năm 2018. Giá chè xuất khẩu bình quân đạt 1.732 USD/tấn, tăng 9,7% so với cùng kỳ năm 2018.

Trong 5 tháng đầu năm 2019, xuất khẩu chè sang 2 thị trường chính, bao gồm Pakistan và Đài Loan đều tăng mạnh cả về khối lượng và giá trị. Trong đó, xuất khẩu chè sang Pakistan đạt 13,9 nghìn tấn, tương đương 27,6 triệu USD, tăng 50,5% về lượng và tăng 35,9% về giá trị so với cùng kỳ năm 2018. Tương tự, xuất khẩu chè sang thị trường Đài Loan đạt 6,6 nghìn tấn với giá trị đạt 10,2 triệu USD, tăng lần lượt 4,5% và 6,0% so với cùng kỳ năm 2018. Sự tăng trưởng mạnh của 2 thị trường này đã góp phần bù đắp vào sự suy giảm của một số thị trường chính khác như Nga, Indonesia và Mỹ.

Thị trường chè nguyên liệu tại Thái Nguyên trong tháng 6/2019 tương đối ổn định, giá chè cành chất lượng cao giữ mức 200.000 đ/kg, chè xanh búp khô là 105.000 đ/kg. Tương tự, tại Lâm Đồng, giá chè cành cũng ổn định ở mức 8.500 đ/kg, chè hạt 7.000 đ/kg.

6

Nhìn lại 6 tháng đầu năm 2019, thị trường chè không có nhiều biến động do nguồn cung ổn định và nhu cầu cũng không có sự biến động mạnh. Bên cạnh đó, tình hình chè xuất khẩu của nước ta từ đầu năm đến nay cũng tương đối thuận lợi, kim ngạch xuất khẩu sang 3 thị trường chính (Pakistan, Đài Loan và Trung Quốc) đều tăng trưởng mạnh, giá chè xuất khẩu bình quân tăng so với cùng kỳ năm ngoái.

6. Tiêu

Khối lượng tiêu xuất khẩu tháng 6/2019 ước đạt 36 nghìn tấn, với giá trị đạt 88 triệu USD, đưa khối lượng xuất khẩu tiêu 6 tháng đầu năm 2019 ước đạt 182 nghìn tấn và 464 triệu USD, tăng 39,5% về khối lượng và tăng 2,6% về giá trị so với cùng kỳ năm 2018. Các thị trường xuất khẩu tiêu lớn nhất của Việt Nam là Mỹ, Ấn Độ, Đức, Pakistan và Tiểu Vương Quốc Ả Rập Thống Nhất với 38,5% thị phần. Giá tiêu xuất khẩu bình quân đạt 2.579 USD/tấn, giảm 25,8% so với cùng kỳ năm 2018.

Trong tháng 6/2019, nhìn chung, giá tiêu thế giới có xu hướng tăng nhẹ. Tính đến ngày 25/06/2019, giá tiêu đen giao ngay tại các thị trường lớn như Malaysia, Brazil, và Việt Nam có mức tăng lần lượt là 18,8%, 11,1% và 4,5% so với giá tiêu ngày 31/5/2019; giá tiêu đen giao ngay tại 2 thị trường lớn khác là Indonesia và Ấn Độ mặc dù có xu hướng giảm nhưng chỉ giảm nhẹ, với tỷ lệ giảm lần lượt là 1,4% và 1,2%.

Tại thị trường trong nước, giá tiêu trong nước cũng có xu hướng tăng cùng với xu hướng tăng của giá tiêu thế giới. So với tháng trước, giá tiêu tại Đắc Lắc, Đắc Nông và Bà Rịa Vũng Tàu tăng 2.000 đ/kg lên 46.000 – 47.000 đ/kg. Giá tiêu tại Gia Lai tăng 1.000 đ/kg lên mức 45.000 đ/kg. Giá tiêu tại Đồng Nai tăng 1.500 đ/kg lên 44.500 đ/kg. Tuy nhiên, giá tiêu trong nước diễn biến giảm trong 6 tháng đầu năm 2019, với mức giảm 6.000 – 6.500 đ/kg.

Nhìn chung, thị trường hạt tiêu toàn cầu 6 tháng đầu năm 2019 vẫn chịu sức ép giảm giá do áp lực dư cung và nhu cầu ở mức thấp. Mặc dù hiện tại giá tiêu đã có sự phục hồi nhẹ nhưng thời gian tới giá tiêu sẽ khó có khả năng tăng mạnh do nguồn cung hạt tiêu toàn cầu vẫn còn dồi dào, và lượng tồn kho lớn. Theo dự báo của Hiệp hội hồ tiêu quốc tế (IPC), sản lượng hạt tiêu thế giới sẽ tiếp tục tăng trong năm 2019, với kỳ vọng đạt khoảng 602.000 tấn, tăng 8,27% so với năm 2018; trong đó các nước sản xuất lớn như Brazil, Campuchia và Sri Lanka đều được dự kiến sẽ có sản lượng tăng với mức tăng lần lượt là 28%, 17%, và 44%.

7. Điều

Trong tháng 6/2019, khối lượng điều nhân Việt Nam xuất ước đạt 41 nghìn tấn với giá trị 291 triệu USD, đưa khối lượng xuất khẩu hạt điều 6 tháng đầu năm 2019 ước đạt 197 nghìn tấn và 1,5 tỷ USD, tăng 13,1% về khối lượng nhưng giảm 11,3% về giá trị so với cùng kỳ năm 2018. Mỹ, Trung Quốc và Hà Lan là 3 thị trường nhập khẩu điều lớn nhất của Việt Nam, chiếm thị phần lần lượt là 32,3%, 14,1% và 9,5% tổng giá trị xuất khẩu hạt điều. Năm tháng đầu năm 2019, các thị trường có giá trị xuất khẩu hạt điều tăng mạnh là Bỉ (tăng 81%), Đức (tăng 25,3%), Tây Ban Nha (tăng 20,2%), và Úc (tăng 18%). Giá hạt điều xuất khẩu bình quân 5 tháng đầu năm 2019 đạt 7.759 USD/tấn, giảm 21,2% so với cùng kỳ năm 2018.

Khối lượng hạt điều nhập khẩu trong tháng 6/2019 ước đạt 242 nghìn tấn với giá trị đạt 309 triệu USD, đưa tổng khối lượng và giá trị hạt điều nhập khẩu trong 6 tháng đầu năm 2019 đạt 714 nghìn tấn và giá trị đạt 1,04 tỷ USD, tăng 36,1% về khối lượng nhưng lại giảm 7,8% về giá trị so với cùng kỳ năm 2018. Thị trường nhập khẩu hạt điều lớn nhất là thị trường Campuchia (chiếm 32,7% thị phần), giá trị nhập khẩu điều của thị trường này cũng tăng 49,2% so với cùng kỳ năm 2018.

Trong tháng 6/2019, giá điều thô diễn biến âm ảm. Cụ thể, điều thô mua xô tại Bình Phước giảm 500 đ/kg, từ mức 34.500 đ/kg xuống 34.000 đ/kg; tại Đồng Nai ổn định ở mức 46.000 đ/kg. Giá nhân điều trong nước giảm khá mạnh tại Bình Phước, từ khoảng 46.000 – 47.000 đ/kg trong tháng 1 xuống chỉ còn 34.000 đ/kg vào cuối tháng 6. Mặc dù sản lượng điều nhân không lớn, song lượng điều nhập khẩu cũng có thể tạm thời đáp ứng nhu cầu trong nước càng ngày càng tăng.

Trên thị trường thế giới, trong tháng 6, Chính phủ Ấn Độ đã tăng giá nhập khẩu tối thiểu đối với nhân điều từ mức từ 4.14 USD/kg lên 9.77 USD với hạt điều vỡ và từ 5.75 USD/kg lên 10.35 USD/kg với hạt điều nguyên. Đây là một trong những biện pháp mạnh của Ấn Độ nhằm bảo hộ cho chế biến điều nội địa, có tác động trực tiếp đến chế biến và xuất khẩu điều của Việt Nam vào Ấn Độ. Cũng trong thời gian này, Bộ Tài chính Ấn Độ ra thông báo tăng thuế từ 7,5% đến 120% đối với 28 mặt hàng của Mỹ, trong đó có hạnh nhân, bắt đầu từ ngày 16/06/2019. Dự báo nhu cầu tiêu thụ điều nhân của Ấn Độ có thể sẽ tăng để thay thế cho lượng hạnh nhân và óc chó và làm giảm xuất khẩu điều của nước này. Như vậy Việt Nam sẽ ít chịu cạnh tranh đối với các sản phẩm cùng loại của Ấn Độ trên thị trường thế giới.

8. Cao su

Khối lượng xuất khẩu cao su tháng 6/2019 đạt 113 nghìn tấn với giá trị đạt 159 triệu USD, đưa khối lượng và giá trị xuất khẩu cao su 6 tháng đầu năm 2019 ước đạt 604 nghìn tấn và 826 triệu USD, tăng 7% về khối lượng và tăng 0,7% về giá trị so với cùng kỳ năm 2018. Giá cao su xuất khẩu bình quân đạt 1.357 USD/tấn, giảm 7,2% so với cùng kỳ năm 2018. Trung Quốc, Ấn Độ, và Hàn Quốc là 3 thị trường tiêu thụ cao su lớn nhất của Việt Nam trong 5 tháng đầu năm 2018, chiếm thị phần lần lượt là 64,2%, 8% và 3,7%.

8

Ước khối lượng nhập khẩu cao su trong tháng 6/2019 đạt 52 nghìn tấn với giá trị đạt 88 triệu USD, đưa tổng khối lượng và giá trị cao su nhập khẩu 6 tháng đầu năm đạt 317 nghìn tấn với giá trị 550 triệu USD, tăng 9,1% về khối lượng và tăng 4% về giá trị so với cùng kỳ năm 2018. Bốn thị trường nhập khẩu cao su chủ yếu là Hàn Quốc, Nhật Bản, Lào và Đài Loan, chiếm 53,9% thị phần.

Trên thị trường thế giới, giá cao su tại Sở Giao dịch hàng hóa kỳ hạn Tokyo (Tocom) diễn biến tăng, chạm mức cao 4 tháng vào trung tuần tháng 6/2019. Giá cao su tăng do được hỗ trợ bởi giá cao su Thượng Hải tăng do lo ngại nguồn cung thắt chặt hơn. Tuy nhiên, căng thẳng thương mại Mỹ - Trung bất ổn đã hạn chế đà tăng giá này.

Trái ngược với xu hướng của thị trường thế giới, thị trường cao su nguyên liệu giảm nhẹ trong tháng qua. Thủ phủ cao su Bình Phước bắt đầu cạo mủ trở lại, giá mủ nước giảm từ 290 đồng/độ xuống 285 đồng/độ. Giá mủ tại Đồng Nai không thay đổi ở mức 12.000 đồng/kg. Tính trong nửa đầu năm nay, giá cao su giảm tại Bình Phước và ổn định tại Đồng Nai.

Triển vọng thương mại song phương giữa Mỹ và Trung Quốc vẫn còn nhiều bất chắc. Nếu căng thẳng gia tăng, kinh tế toàn cầu sẽ tăng trưởng chậm lại, làm giảm giá dầu đồng thời kéo giảm nhu cầu cao su. Hiện tại, xuất khẩu cao su của Việt Nam chưa bị ảnh hưởng nhiều bởi sự leo thang của cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung Quốc, giá cao

su nguyên liệu và xuất khẩu vẫn duy trì đà phục hồi do nguồn cung tại các nước sản xuất lớn bị hạn chế.

9. Sản phẩm chăn nuôi

Tại thị trường thế giới, giá lợn hơi giao tháng 6/2019 thị trường Chicago, Mỹ biến động giảm trong tháng qua với mức giảm 9,675 UScent/lb xuống còn 76,25 UScent/lb. Giá lợn hơi giảm do nguồn cung tăng lên sau khi những người chăn nuôi lợn mở rộng đàn trong những năm gần đây. Trong bối cảnh xung đột thương mại Mỹ-Trung hiện nay, tình trạng dư cung đã ảnh hưởng tiêu cực đến kỳ vọng rằng Trung Quốc sẽ tăng cường nhập khẩu thịt lợn từ Mỹ vào cuối năm nay và năm 2020 để bù đắp cho hàng triệu con lợn đã chết trong đợt bùng phát của dịch tả lợn châu Phi, dù số liệu thống kê từ hải quan Trung Quốc cho thấy nhập khẩu thịt lợn Trung Quốc trong 5 tháng đầu năm tăng mạnh 19,8% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong 6 tháng qua, giá lợn hơi thị trường Chicago, Mỹ có xu hướng giảm với mức giảm 6,225 UScent/lb.

Trong tháng 6/2019, giá lợn hơi trong nước biến động tăng do lợn trong dân, nhất là các hộ nuôi nhỏ lẻ không còn nhiều bởi ảnh hưởng dịch tả lợn châu Phi nên xảy ra tình trạng khan hiếm lợn bán. Giá lợn hơi tại miền Bắc tăng 10.000 – 14.000 đ/kg. Cụ thể, giá lợn hơi tại Hà Nam 37.000 đ/kg, Nam Định, Yên Bái 38.000 đ/kg. Hà Nội, Vĩnh Phúc, Hưng Yên, Bắc Giang,... khoảng 37.000 - 40.000 đ/kg. Tương tự, giá lợn hơi tại khu vực miền Trung và Tây Nguyên tăng 3.000 – 7.000 đ/kg. Giá lợn hơi tại Thanh Hoá 38.000 đ/kg, Quảng Bình, Quảng Trị lần lượt 34.000 đ/kg và 33.000 đ/kg. Tỉnh Bình Thuận 35.000 đ/kg, những địa phương còn lại, giá khoảng 31.000 - 42.000 đ/kg. Tại miền Nam, giá lợn cũng tăng nhẹ 2.000 đ/kg. Tại Vĩnh Long, giá lợn hơi 35.000 đ/kg. Thủ phủ nuôi lợn Đồng Nai, giá dao động 36.000 - 38.000 đ/kg; tại Long An, Tiền Giang, Sóc Trăng, Cần Thơ, Kiên Giang, Cà Mau 37.000 - 38.000 đ/kg. Vũng Tàu 38.000 đ/kg; tại Bến Tre, Trà Vinh, Bình Phước, Tây Ninh 31.000 - 35.000 đ/kg.

Nhìn lại 6 tháng đầu năm 2019, giá thịt lợn trong nước trong xu hướng giảm là chủ yếu do ảnh hưởng của dịch tả lợn châu Phi: so với cuối năm 2018, giá lợn hơi tại miền Bắc giảm 4.000 – 6.000 đ/kg; giá lợn hơi tại miền Trung và Tây Nguyên giảm 9.000 – 11.000 đ/kg; và giá lợn hơi tại miền Nam giảm 15.000 đ/kg. Dự báo, giá thịt lợn thời gian tới sẽ tăng do nguồn thịt lợn sẽ có xu hướng biến động dịp cuối năm. Việc giảm cung không chỉ xảy ra ở thị trường nội địa mà còn ở nhiều nước khác cũng chịu thiệt hại từ dịch tả lợn châu Phi.

Giá trị xuất khẩu các sản phẩm chăn nuôi tháng 6/2019 ước đạt 61 triệu USD, đưa giá trị xuất khẩu các sản phẩm chăn nuôi 6 tháng đầu năm 2019 ước đạt 320 triệu USD, tăng 4,6% so với cùng kỳ năm 2018. Năm tháng đầu năm 2019 giá trị xuất khẩu các sản phẩm từ gia cầm đạt gần 10 triệu USD, giảm 14,1% so với cùng kỳ năm 2018;

Giá trị xuất khẩu các sản phẩm từ lợn đạt 31,67 triệu USD, tăng 79,6% so với cùng kỳ năm 2018, chủ yếu do xuất khẩu sang Hồng Kong và Trung Quốc tiếp tục tăng mạnh.

10. Thủy sản

Tại thị trường Mỹ, theo số liệu mới nhất của Cục Nghề cá biển Hoa Kỳ (NMFS), nhập khẩu phile cá tra đông lạnh và tôm của Mỹ đều có xu hướng giảm mạnh trong những tháng đầu năm. Với mức nhập khẩu giảm, giá mặt hàng này (tôm và cá tra) có xu hướng giảm.

Giá bán buôn cá tra nguyên liệu tại ĐBSCL trong tháng 6/2019 tiếp tục xu hướng giảm khoảng 2.000 đ/kg so với tháng trước xuống còn 22.000-23.000 đ/kg đối với cá tra loại I (800-900g/con), trong khi giá thu mua chỉ trong khoảng 20.000-21.000 đ/kg. Lượng bắt của các doanh nghiệp ở mức thấp, chủ yếu bắt cá ao nhà và hạn chế mua ngoài. Nhìn chung thị trường cá tra nguyên liệu tại ĐBSCL trong nửa đầu năm 2019 có xu hướng suy yếu dần sau một năm liên tục tăng nóng: giảm gần 16.000 đ/kg so với cùng kỳ năm 2018, giảm gần 10.000 đ/kg so với đầu năm nay và đang ở mức thấp nhất trong khoảng 2 năm qua. Do ảnh hưởng bởi giá cá tra nguyên liệu giảm nên nhu cầu giống thả nuôi trong dân cũng giảm, giá cá giống cũng giảm mạnh: loại 30 con/kg dao động ở mức 18.000 - 20.000 đ/kg (trong khi cuối năm 2018 giá cá giống là 60.000-65.000 đ/kg). Nguyên nhân giá giảm là do xuất khẩu giảm mạnh đặc biệt là xuất khẩu sang 2 thị trường lớn là Mỹ và Trung Quốc.

Thị trường tôm nguyên liệu trong tháng 6/2019 có xu hướng tăng giá đối với tôm sú nhờ sức tiêu thụ thị trường nội địa tăng mạnh vào thời điểm du lịch. Tại Bạc Liêu, giá tôm sú ướp đá nguyên liệu cỡ 20 con/kg tăng 30.000 đ/kg lên 240.000 đ/kg, cỡ 30 con/kg tăng 50.000 đ/kg lên 210.000 đ/kg, cỡ 40 con/kg tăng 20.000 đ/kg lên 150.000 đ/kg. Tuy nhiên, giá tôm thẻ chân trắng giảm do cung tăng vào vụ thu hoạch. Giá tôm thẻ ướp đá (loại 60 con/kg) giảm 14.000 đ/kg so với tháng trước xuống 88.000-90.000 đ/kg; (cỡ 70 con/kg) giảm 12.000 đ/kg còn 80.000-82.000 đ/kg, cỡ 100 con/kg giảm 6.000 đ/kg còn 70.000-72.000 đ/kg. Thời tiết mưa nắng thất thường làm môi trường ao nuôi thay đổi đột ngột, buộc nông dân phải thu hoạch đồng loạt để tránh rủi ro. Do đó, đã khiến cho nguồn cung tôm thẻ tăng vọt, đẩy giá sụt giảm.

Giá trị xuất khẩu thủy sản tháng 6/2019 ước đạt 794 triệu USD, đưa giá trị xuất khẩu thủy sản 6 tháng đầu năm 2019 ước đạt gần 4 tỷ USD, tăng 0,3% so với cùng kỳ năm 2018. Nhật Bản, Hoa Kỳ, Trung Quốc và Hàn Quốc là 4 thị trường nhập khẩu hàng đầu của thủy sản Việt Nam, chiếm 55,1% tổng giá trị xuất khẩu thủy sản.

Trong khi đó, giá trị nhập khẩu mặt hàng thủy sản tháng 6/2019 ước đạt 157 triệu USD, đưa tổng giá trị thủy sản nhập khẩu 6 tháng đầu năm 2019 đạt 886 triệu USD, tăng 2,9% so với cùng kỳ năm 2018. Thị trường nhập khẩu thủy sản lớn nhất là Nauy (chiếm

12,5% thị phần) tiếp đến là Ấn Độ, Trung Quốc và Nhật Bản với thị phần lần lượt là 12%, 8,4% và 7%.

Trong các tháng đầu năm 2019, nhu cầu nhập khẩu của các thị trường lớn như Nhật Bản, EU và Mỹ không có nhiều dấu hiệu tích cực. Đặc biệt, gần đây chính phủ Mỹ đã áp thuế 25% lên các mặt hàng thủy sản từ Trung Quốc, đặc biệt là trong phân khúc các sản phẩm thủy sản chế biến có giá trị gia tăng cao vốn là thế mạnh của nước này. Tuy nhiên, đây sẽ trở thành cơ hội cho các quốc gia khác đẩy mạnh xuất khẩu thủy sản vào thị trường Mỹ, trong đó có Việt Nam. Hai ngành xuất khẩu thủy sản quan trọng của Việt Nam là tôm và cá tra, trong khi sản phẩm tôm từ một số công ty đã được chính phủ Mỹ gỡ áp thuế chống phá giá, thì sản phẩm cá tra lại bị tăng lên. Do đó, về ngắn hạn, các doanh nghiệp nên đẩy mạnh xuất khẩu tôm sang thị trường này, trong khi tăng cường mở rộng xuất khẩu cá tra sang các thị trường truyền thống khác như Trung Quốc, EU và ASEAN. Ngoài ra, về dài hạn, để tận dụng tốt cơ hội trên, các cơ sở chế biến thủy sản nên nâng cấp, mở rộng hệ thống bảo quản tích trữ, các nhà máy tiết trùng, chế biến... tương đương với chất lượng các nhà máy của Trung Quốc. Điều này sẽ giúp doanh nghiệp cải thiện năng lực sản xuất – một điều kiện để Bộ Thương mại Mỹ xem xét khi áp mức thuế phá giá, qua đó tăng cơ hội tiếp cận thị trường Mỹ hơn cho doanh nghiệp.

11

11. Gỗ và sản phẩm gỗ

Giá trị xuất khẩu gỗ và các sản phẩm gỗ tháng 6/2019 ước đạt 912 triệu USD, lũy kế xuất khẩu 6 tháng đầu năm 2019 ước đạt 4,93 tỷ USD, tăng 19,2% so với cùng kỳ năm 2018. Mỹ, Nhật Bản, Trung Quốc và Hàn Quốc tiếp tục là 4 thị trường nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ lớn nhất của Việt Nam với tỷ trọng 79,2% tổng giá trị xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ. Trong đó, các thị trường có giá trị xuất khẩu gỗ tăng mạnh là Ả Rập xê út (tăng 57,1%), Mỹ (tăng 35%), Đức (tăng 22,8%) và Nhật Bản (tăng 19,5%).

Giá trị nhập khẩu tháng 6/2019 ước đạt 230 triệu USD, lũy kế nhập khẩu 6 tháng đầu năm đạt 1,25 tỷ USD, tăng 16,4% so với cùng kỳ năm 2018. Trung Quốc là thị trường lớn nhất của Việt Nam với 19,9% thị phần.

Trong bối cảnh tham gia các hiệp định thương mại thế hệ mới như EVFTA, CPTPP và ký kết hiệp định Đối tác tự nguyện về tăng cường thực thi luật với EU (VPA/FLEGT), Chính phủ Việt Nam đã có những hành động quyết liệt hướng tới phát triển ngành gỗ. Cụ thể, ngày 28 tháng 3 năm 2019, Chính phủ đã thông qua Chỉ thị số 08/CT-TTg về một số nhiệm vụ, giải pháp phát triển nhanh và bền vững ngành công nghiệp chế biến gỗ và lâm sản ngoài gỗ phục vụ xuất khẩu. Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đã thành lập Văn phòng Chứng chỉ rừng Việt Nam (VFCS) vào tháng 4/2019 làm đầu mối hợp tác với các tổ chức chứng chỉ rừng quốc tế, các cơ quan, tổ

chức liên quan để vận hành hệ thống chứng chỉ rừng quốc gia; Chủ trì và triển khai các hoạt động chứng chỉ rừng tại Việt Nam; Xây dựng và phát triển thương hiệu Chứng chỉ rừng Việt Nam trên thị trường trong nước và quốc tế; đồng thời tổ chức việc kiểm tra giám sát việc cấp chứng chỉ rừng của hệ thống quốc gia...

Mặc dù có nhiều tiềm năng khi tham gia các hiệp định thương mại thế hệ mới, ngành gỗ Việt Nam vẫn phải đối mặt với các vấn đề như cần vốn lớn để cải tiến máy móc, cải tiến năng lực sản xuất để có thể đáp ứng được các đơn hàng lớn; tốc độ tăng trưởng của ngành gỗ chủ yếu từ việc dùng sức và lượng để cạnh tranh, trong khi các nước phát triển đầu tư vào thiết kế, nhãn hiệu, công nghệ tự động hóa, nhà xưởng hiện đại. Việt Nam có nhiều làng nghề nhưng xu hướng là sản xuất hàng giá rẻ và chất lượng thấp, trong khi các doanh nghiệp lớn sản xuất lớn lại tập trung vào sản xuất hàng gia công xuất khẩu. Do đó, các doanh nghiệp cần quan tâm chú trọng đầu tư, áp dụng tự động hóa trong sản xuất, áp dụng công nghệ quản lý mới, nâng cao chất lượng, tay nghề công nhân để giảm giá thành, tăng năng suất lao động. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp cần tăng cường hợp tác, tạo lập và hình thành chuỗi liên kết từ sản xuất nguyên liệu đến xuất khẩu nhằm nâng cao hiệu quả của chuỗi cung ứng thông qua việc tập trung nguồn lực thực hiện chuyên môn hóa, giảm chi phí giao dịch và chi phí sản xuất, nâng cao hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.

12

Dự báo năm 2019, xuất khẩu gỗ và các sản phẩm từ gỗ của Việt Nam vẫn sẽ tiếp tục được mở rộng, tuy nhiên cần phải thận trọng hơn đối với những trường hợp Trung Quốc chuyển C/O qua Việt Nam để hưởng thuế suất ưu đãi sang thị trường Mỹ. Các cơ quan quản lý nhà nước cần tăng cường kiểm tra và các trường hợp chuyển C/O để tránh những rủi ro cho ngành gỗ Việt Nam.

MỘT SỐ LƯU Ý

Đối với một số ngành hàng có những điểm cần lưu ý trong tháng tới như sau:

- **Lúa gạo:** Xuất khẩu lúa gạo giảm mạnh khiến giá lúa trong nước giảm thấp, dự báo giá gạo có thể tiếp tục xuống thấp trong tháng tới, do chưa có nhiều hợp đồng xuất khẩu mới được ký kết. Các doanh nghiệp cần chủ động dự trữ gạo cho thời điểm cuối năm khi giá gạo dự báo có thể tăng trở lại.
- **Sắn và các sản phẩm từ sắn:** Trong thời gian tới, dự đoán rằng các giao dịch xuất khẩu sắn và sản phẩm từ sắn vẫn tiếp tục ảm đạm do nhu cầu từ phía Trung Quốc yếu. Ngoài ra, để giảm áp lực thuế quan đối với xuất khẩu hàng hóa sang Mỹ, Trung Quốc đang áp dụng chính sách giảm giá đồng nhân dân

tệ, gây bất lợi cho các doanh nghiệp xuất khẩu sản và sản phẩm từ sản qua kênh biên mậu.

- **Cà phê:** giá xuất khẩu cà phê trong ngắn hạn sẽ tiếp tục giảm do dự báo thị trường cà phê toàn cầu tiếp tục dư thừa nguồn cung.
- **Rau quả:** Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA) và Hiệp định Bảo hộ đầu tư (IPA) giữa Liên minh châu Âu (EU) và Việt Nam, nhiều dòng thuế nhập khẩu sang thị trường này sẽ về 0%, trong đó rau quả được dự báo sẽ có cơ hội rất lớn. Các doanh nghiệp xuất khẩu cần chuẩn bị nguồn nguyên liệu đảm bảo chất lượng để tận dụng tối đa cơ hội này.
- **Chăn nuôi:** Dịch tả lợn Châu Phi vẫn đang diễn biến phức tạp, dự báo nguồn cung thịt lợn có thể thiếu trong thời điểm cuối năm. Tuy nhiên dự báo nhu cầu tiêu dùng thịt một phần chuyển sang dùng các loại thịt khác như thịt bò, trâu, gia cầm, cá,...Do đó, các hộ và doanh nghiệp cần chủ động sản xuất trong giai đoạn này.
- **Gỗ và các sản phẩm từ gỗ:** Các cơ quan quản lý nhà nước cần tăng cường kiểm tra các trường hợp chuyển C/O để tránh những rủi ro cho ngành gỗ Việt Nam. Các doanh nghiệp cần quan tâm chú trọng đầu tư, áp dụng tự động hóa trong sản xuất, áp dụng công nghệ quản lý mới, nâng cao chất lượng, tay nghề công nhân để giảm giá thành, tăng năng suất lao động. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp cần tăng cường hợp tác, tạo lập và hình thành chuỗi liên kết từ sản xuất nguyên liệu đến xuất khẩu nhằm nâng cao hiệu quả của chuỗi cung ứng thông qua việc tập trung nguồn lực thực hiện chuyên môn hóa, giảm chi phí giao dịch và chi phí sản xuất, nâng cao hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.